

Bản án số: 35/2026/HS-ST

Ngày: 23 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khanh và ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đồng Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **L**; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2026 cho đến nay. *(có mặt)*

2. Họ và tên: **H**; Nơi cư trú: Ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2026 cho đến nay. *(có mặt)*

Người bào chữa của bị cáo H: Ông Ngô Nhật Linh, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/11/2025, sau khi H nhậu với ông N (là bạn của H) xong, vì muốn sử dụng ma túy nên H đã hỏi mượn ông N số tiền 100.000 đồng và điều khiển xe mô tô biển số N-NN thuộc sở hữu của ông N đến nhà của L (là bạn của H) để rủ L cùng đi mua ma túy về sử dụng. Sau khi bàn bạc, thống nhất, H điều khiển xe chở L đến khu vực ngã ba giao giữa Tỉnh lộ 927C và Quốc lộ Nam Sông Hậu. Tại đây, L tìm và mua ma túy từ một người đàn ông không rõ nhân thân với giá 100.000 đồng bằng số tiền do H đưa. Sau khi mua được ma túy, cả hai tiếp tục

điều khiển xe mô tô về nhà của L tại ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. Khi về đến nhà, L lấy bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy đã có sẵn từ trước, nhưng do còn thiếu một số chi tiết nên L đã chế tạo lại và ghép thành bộ dụng cụ sử dụng hoàn chỉnh. Sau đó, L trực tiếp cắt gói ma túy vừa mua được đổ vào trong bộ dụng cụ để cùng với H sử dụng, nhưng L không đổ hết ma túy vào trong nỏ. Khi L đang chuẩn bị đốt ma túy trong nỏ để cùng H sử dụng thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ tang vật có liên quan. Quá trình điều tra vụ án, L và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số 2202/KL-KTHS ngày 03/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Mẫu nước tiểu ký hiệu M1, M2 của L và H gửi giám định không phát hiện chất ma túy (do tại thời điểm bắt quả tang, L và H chưa thực hiện được hành vi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể). Tại Kết luận giám định số 2203/KL-KTHS ngày 03/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Mẫu ký hiệu M1, M2 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine; mẫu quá ít không xác định được khối lượng; mẫu ký hiệu M3 gửi giám định không phát hiện các chất ma túy.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với L và H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với L và H từ ngày 25/02/2026 cho đến nay.

Về thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ, tạm giữ các vật chứng gồm 01 đoạn ống thủy tinh cong có một đầu hình bầu dục bên trong có nhiều hạt tinh thể rắn, màu trắng (qua giám định xác định là ma túy, loại Methamphetamine); 01 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín một đầu, bên trong có chất rắn màu trắng (qua giám định xác định là ma túy, loại Methamphetamine); 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu đen, trên nắp có gắn 02 ống hút nhựa màu đỏ; 01 quẹt gas màu xanh đã qua sử dụng; 01 quẹt gas màu vàng đã qua sử dụng; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng, có cán màu đỏ, đã qua sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số N-NN và số tiền 100.000 đồng: Ông N có cho H mượn các tài sản này. Sau đó, H dùng xe chở L đi mua ma túy và dùng số tiền trên giao cho L mua ma túy. Quá trình điều tra xác định ông N không biết việc H mượn tiền và xe với mục đích nêu trên, bản thân H cũng không nói cho ông N biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông N và không xem xét, xử lý hình sự đối với ông N.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho L tại khu vực ngã ba giao giữa Tỉnh lộ 927C và Quốc lộ Nam Sông Hậu: L khai nhận không quen biết và không nhớ rõ đặc điểm của người này. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được lai lịch của người này, nên không có đủ cơ sở để xử lý. Khi nào có căn cứ, Cơ quan điều tra sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSCTO-KV ngày 10/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ đã nhận định hành vi phạm tội nêu trên của L và H, từ đó quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ để xét xử L

và H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ giữ quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo L và H, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo L và H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy các vật chứng hiện còn đang bị tạm giữ. Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng theo quy định pháp luật.

- Người bào chữa của bị cáo H thống nhất với nội dung Bản Cáo trạng truy tố bị cáo H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự, đồng thời thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân theo quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ. Riêng về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H mức án 03 năm tù.

- Các bị cáo L và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời nói sau cùng, bị cáo L xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; bị cáo H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu

thập được, từ đó có đầy đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 25/11/2025, tại nhà của bị cáo L thuộc ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ, các bị cáo H và L đã có hành vi tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo H là người khởi xướng, cung cấp tiền và phương tiện để chở L đi mua ma túy, bị cáo L là người cung cấp địa điểm và chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy. Khi các bị cáo chưa kịp sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công N phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật là chất ma túy chứa trong nỏ thủy tinh. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSCTO-KV ngày 10/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai và không bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận Bản Cáo trạng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc sử dụng và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn bất chấp tất cả để cùng tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã gây ra mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất là đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo đã có sự thống nhất ý chí từ trước và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu chung trách nhiệm hình sự đối với hậu quả đã gây ra. Tuy nhiên, để cá thể hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng người như sau:

[6] Bị cáo L là người thực hành trực tiếp và thể hiện vai trò tích cực hơn trong vụ án. Bị cáo L là người trực tiếp giao dịch mua chất ma túy, sau khi mang ma túy về, bị cáo L tiếp tục cung cấp địa điểm (nhà của mình), trực tiếp chuẩn bị, hoàn thiện bộ công cụ sử dụng, nạp ma túy vào nỏ để tổ chức cho bị cáo H cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo L có nhân thân xấu vì đã bị kết án 02 lần, bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần và có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo H. Do đó, mức án áp dụng đối với bị cáo L phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo H.

[7] Bị cáo H là người thực hành, giữ vai trò là người khởi xướng, rủ rê và cung cấp nguồn tiền, phương tiện để đi mua ma túy. Mặc dù hành vi của bị cáo H là nguyên nhân kích hoạt vụ án, nhưng xét về tính chất hành vi chuẩn bị công cụ và địa điểm để hiện thực hóa việc sử dụng ma túy thì có phần thứ yếu hơn so với bị cáo L. Đồng thời, bị cáo H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn. Do vậy, mức án áp dụng đối với bị cáo H phải thấp hơn so với bị cáo L.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo L không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo H học đến lớp 7/12 nên nhận thức pháp luật cũng có phần hạn chế. Ngoài ra, bị cáo H là người có nhân thân tốt (không có tiền án, tiền sự) và là người dân tộc thiểu số (người Khmer). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Bên cạnh đó, mặc dù bị cáo L có nhân thân xấu nhưng thực hiện hành vi phạm tội phần lớn do sự chủ động rủ rê, kích hoạt và cung cấp toàn bộ nguồn tài chính, phương tiện từ bị cáo H chứ bản thân bị cáo L không tự khởi xướng; bị cáo H có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn khi đang sống cùng với mẹ già sinh năm 1957 không còn khả năng lao động, 01 người anh bị mắc bệnh tâm thần cùng 02 người cháu, bị cáo H phải đi làm thuê để lo cho gia đình. Các tình tiết này sẽ được Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về nhân thân: Bị cáo L có nhân thân xấu, đã từng bị kết án 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa được xóa án tích) và bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa chấp hành xong). Đặc biệt, bị cáo phạm tội vào ngày 25/11/2025 tức chỉ cách ngày bị xử phạt vi phạm hành chính (ngày 12/11/2025) là 13 ngày. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo L còn hạn chế, do không biết chữ và bị lệ thuộc vào chất ma túy, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc kỹ lưỡng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về hình phạt: Mức hình phạt của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra cho xã hội; có xét đến tính chất đồng phạm, mức độ tham gia của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, cũng như yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn hiện nay; Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Từ việc đánh giá vai trò thực hành mang tính tích cực hơn, nhân thân xấu, phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” và có ít tình tiết giảm nhẹ hơn của bị cáo L; đối chiếu với vai trò có phần thứ yếu hơn, nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn của bị cáo H, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo L mức án 03 năm 09 tháng tù mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng; xử phạt bị cáo H mức án 03 năm 03 tháng tù để thể hiện sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật. Đối với việc bị cáo H xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy tất cả các vật chứng là công cụ sử dụng trái phép chất ma túy còn đang bị tạm giữ vì đây là những công cụ được các bị cáo dùng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[14] Về các vấn đề khác: Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo L, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo H, do thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa của bị cáo H tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo L:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

Tuyên bố: Bị cáo L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt: Bị cáo L **03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

2. Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo H:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

Tuyên bố: Bị cáo H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt: Bị cáo H **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) đoạn ống thủy tinh cong có một đầu hình bầu dục bên trong có nhiều hạt tinh thể rắn, màu trắng; 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín một đầu, bên trong có chất rắn màu trắng; 01 (một) chai nhựa màu trắng có nắp màu đen, trên nắp có gắn 02 ống hút nhựa màu đỏ; 01 (một) que

gas màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) quẹt gas màu vàng đã qua sử dụng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng, có cán màu đỏ, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 16/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ với Thị hành án dân sự thành phố Cần Thơ - Phòng Thị hành án dân sự khu vực 10 - Cần Thơ)

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Các bị cáo L, H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND KV10-Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- CQĐT Công an thành phố Cần Thơ;
- CQTHAHS Công an thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Việt